

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận và bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 368/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09.10.2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2024/QĐXX-ST ngày 28.11.2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1985; Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà Lê Thị Minh D1, sinh năm 1991; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: E N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc D và bà Lê Thị Minh D1 kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. C sống một thời gian đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng về quan điểm sống, hai người đã sống ly thân một thời gian. Đến nay ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông D được ly hôn với bà D1.

- Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc D xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Lê N, sinh ngày 11/5/2015 và Nguyễn Lê Linh S, sinh ngày 01/9/2021. Ly hôn, ông D có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Lê N, giao con chung Nguyễn Lê Linh S cho bà D1 nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa ông D tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà D1 nuôi cháu Linh S mỗi tháng 3.000.000đ.

-Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Minh D1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D1 xác định tình cảm vợ chồng giữa bà D1 và ông D không còn.

- Về quan hệ con chung: Bà D1 xác định giữa bà D1 và ông D có 2 con chung là Nguyễn Ngọc Lê N - sinh ngày 11/5/2015 và Nguyễn Lê Linh S - sinh ngày 01/9/2021. Ly hôn, bà D1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Linh S và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu S vì cháu còn nhỏ và thường hay đau ốm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết ông Nguyễn Ngọc D được ly hôn với bà Lê Thị Minh D1. Về con chung, giao con chung Nguyễn Ngọc Lê N, sinh ngày 11/5/2015 cho ông D được trực tiếp dưỡng, giao con chung Nguyễn Lê Linh S, sinh ngày 01/9/2021 cho bà D1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Về tài sản chung, nợ chung, không không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc D và bà Lê Thị Minh D1 là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà D1 là bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà D1.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Ngọc D và bà Lê Thị Minh D1 kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện, đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông D bà D1 đã phát sinh mâu thuẫn. Ông D xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống. Vợ chồng sống không hạnh phúc và đã ly thân một thời gian, không ai có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của ông D và D1 thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà D1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét mâu thuẫn vợ chồng ông D và bà D1 đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc ly hôn với bà D1 là có căn cứ.

Vợ chồng ông D bà D1 có 2 con chung là Nguyễn Ngọc Lê N, sinh ngày 11/5/2015 và Nguyễn Lê Linh S, sinh ngày 01/9/2021. Ly hôn, ông D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc Lê N còn bà D1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Linh S. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu N đang sinh sống, học tập ổn định với ông D còn cháu S đang do bà D1 chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu của ông D phù hợp với ý kiến của bà D1 tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của ông D là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, ông D có ý kiến sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà D1 mỗi tháng 3.000.000đ, xét đây là sự tự nguyện của ông D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ và án phí về khoản trợ cấp nuôi con định kỳ là 300.000đ, ông D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D về việc “Ly hôn” đối với bà Lê Thị Minh D1.

2. Xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc D được ly hôn với bà Lê Thị Minh D1.

* Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Lê N - sinh ngày 11/5/2015 cho ông Nguyễn Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Lê Linh S - sinh ngày 01/9/2021 cho bà Lê Thị Minh D1 trực tiếp nuôi dưỡng;

Ông Nguyễn Ngọc D có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Nguyễn Lê Linh S đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số 0001430 ngày 08.10.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí đối với khoản tiền trợ cấp nuôi con đình kỳ là 300.000đ.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;
- UBND phường Tân Chính;
- (ĐKKH số 0054/ QS 01- 2013)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Cường

